

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 460/2025/DS-ST
Ngày: 03-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Thị Dòn
- Ông Vũ Huy Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Minh Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:
Ông Võ Kim Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2025 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 312/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 312/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 05 năm 2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Văn B, sinh năm: 1962

Địa chỉ: xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Trịnh Minh K, sinh năm 1991

Địa chỉ: xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Hoàng A, sinh năm 1977

Địa chỉ: xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/01/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đặng Văn B trình bày:

Ngày 20/6/2024, Ông B có cho ông Trịnh Minh K mượn số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 20/8/2024 theo “ Giấy mượn tiền” lập ngày 20/6/2024. Hết thời hạn ông K không trả. Ông B đã liên hệ ông K yêu cầu trả nợ nhưng ông K vẫn không có thiện trí trả nợ. Vì vậy ông Đặng Văn B khởi kiện yêu cầu buộc ông Trịnh Minh K trả lại số tiền gốc còn nợ cho ông Đặng Văn B là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng và số tiền lãi do ông Trịnh Minh K không thanh toán là

3%/tháng, tạm tính từ ngày 20/7/2024 cho ngày 20/01/2025 là: 250.000.000 đồng x 3%/tháng x 5 tháng = 37.500.000 đồng. Tổng cộng là: 287.500.000 (hai trăm tám mươi B triệu năm trăm nghìn) đồng.

Tại bản tự khai ngày 24/4/2025, ông Đặng Văn B trình bày: Ông xin rút lại đối với yêu cầu ông Trịnh Minh K trả tiền lãi phát sinh mà chỉ yêu cầu buộc ông Trịnh Minh K trả số tiền gốc còn nợ là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm chục triệu đồng) cho ông Đặng Văn B.

Tại bản tự khai ngày 17/01/2025, bà Nguyễn Thị Hoàng A trình bày: bà là vợ của ông Đặng Văn B nhưng hai người chưa đăng ký kết hôn. Khoản tiền ông B cho ông Trịnh Minh K vay là tiền riêng của ông B, vì vậy bà Nguyễn Thị Hoàng A không liên quan đến vụ án và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Về phía bị đơn ông Trịnh Minh K: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho ông K thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 nhưng ông K vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Đặng Văn B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hoàng A có yêu cầu giải quyết vắng mặt

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Ông Trịnh Minh K vắng mặt không lý do, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn B. Buộc ông Trịnh Minh K phải trả cho ông Đặng Văn B số nợ gốc là 250.000.000 đồng và ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu ông K trả tiền lãi. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Đặng Văn B khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Trịnh Minh K. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Trịnh Minh K, sinh năm 1991, cư trú tại: xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: nguyên đơn ông Đặng Văn B; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hoàng A có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông Trịnh Minh K đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch giữa các đương sự được xác lập vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[4.1]. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập ông Trịnh Minh K đến Tòa án để ghi nhận ý kiến, tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản với nguyên đơn nhưng ông K không đến Tòa để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh cư trú, theo kết quả xác minh của Công an xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Trịnh Minh K đang cư trú tại xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Việc ông Trịnh Minh K không đến Tòa án theo giấy triệu tập là ông K đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để làm chứng cứ giải quyết vụ án.

[4.2]. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Văn B, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.2.1] Căn cứ “Giấy mượn tiền” đề ngày 20/6/2024 giữa ông Đặng Văn B và ông Trịnh Minh K thể hiện ông B có cho ông K vay số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng, thời hạn vay 02 tháng kể từ ngày hạn chót trả số tiền nợ là ngày 20/8/2024.

[4.2.2] Xét thấy, khi tham gia giao dịch, các đương sự đều là người có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi; việc tham gia giao dịch xuất phát từ sự tự nguyện và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức của xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên “Giấy mượn tiền” đề ngày 20/6/2024 giữa ông Đặng Văn B và

ông Trịnh Minh K có hiệu lực pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, nguyên đơn và bị đơn phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Đồng thời trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng không có ý kiến phản đối đối với chứng cứ này. Nguyên đơn cũng thừa nhận tất cả nội dung trong “Giấy mượn tiền” đề ngày 20/6/2024. Do vậy, có cơ sở xác định nội dung trong “Giấy mượn tiền” đề ngày 20/6/2024 là có thật và được cả hai bên thừa nhận.

[4.2.3] Ông Đặng Văn B và bà Nguyễn Thị Hoàng A đều thừa nhận số tiền ông Đặng Văn B cho ông Trịnh Minh K vay là tiền riêng của ông Đặng Văn B.

[4.2.4] Theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015: “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng ...”.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015: “1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn..”

Đến nay bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền vay cho nguyên đơn, bị đơn là bên có lỗi. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn B về việc buộc bị đơn ông Trịnh Minh K phải trả số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng là phù hợp với thỏa thuận của các bên và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận.

[4.3]. Xét thấy nguyên đơn ông Đặng Văn B tự nguyện không yêu cầu ông Trịnh Minh K trả tiền lãi đối với khoản vay nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trịnh Minh K phải trả cho nguyên đơn ông Đặng Văn B số tiền là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng theo “Giấy mượn tiền” đề ngày 20/6/2024 giữa ông Đặng Văn B và ông Trịnh Minh K

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn ông Trịnh Minh K phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn B về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Trịnh Minh K:

Buộc ông Trịnh Minh K phải trả cho ông Đặng Văn B số tiền là 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng theo “Giấy mượn tiền” đề ngày 20/6/2024 ký kết giữa ông Đặng Văn B với ông Trịnh Minh K.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thanh toán hết số tiền hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nêu trên cho người được thi hành án thì người phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền chưa thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trịnh Minh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp được quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án DS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Lê Long Toàn